

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 57/2024/DS-PT

Ngày: 09 – 5 - 2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Thịnh

Các Thẩm phán: ông Trần Mạnh Dũng

ông Nguyễn Văn Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* bà Đỗ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* bà Phạm Thị Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1956; Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: bà Nguyễn Thị Hồng T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; Địa chỉ: Số G P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Hợp tác xã T3; Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Do ông Nguyễn Sư T1 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phan Xuân L, sinh năm 1959; Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A trình bày:*

Vào năm 2012, do thiếu tiền nộp thuế nên Hợp tác xã T3 (Sau đây gọi tắt là Hợp tác xã 27/7) có mượn của ông số tiền 50.000.000 đồng và không tính lãi. Vào tháng 5/2016, Hợp tác xã 27/7 nhờ ông A vay giúp số tiền 80.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc là 130.000.000 đồng. Tiền lãi của 80 triệu đồng tính từ 31/5/2016 đến 31/5/2022 (72 tháng, lãi suất 0,9%/tháng x 80 triệu x 72 tháng x 0,9%) là 51.840.000 đồng. Ông Nguyễn Ngọc A nhiều lần đến Hợp tác xã T3 yêu cầu trả tiền nhưng Hợp

tác xã không trả, ngược lại ông Phan Xuân L và ông Trần Văn H có hành vi đánh gây thương tích ông.

Nay ông Nguyễn Ngọc A yêu cầu Hợp tác xã 27/7 phải trả cho ông số tiền mượn, tiền vay và tiền lãi tính đến 31/5/2022, tổng cộng là 181.840.000 đồng.

- *Đại diện Hợp tác xã T3 ông Nguyễn Sư T1 trình bày:*

Năm 2016, ông Nguyễn Sư T1 có nhận chuyển nhượng số cổ phần (của 10 cổ đông) của Hợp tác xã T3. Riêng phần của ông T1 được mua lại từ cổ phần của ông Nguyễn Ngọc A, giá trị chuyển nhượng và hình thức thanh toán đã được thống nhất tại Biên bản họp cổ đông ngày 02/7/2016, Bảng báo cáo Tài sản Hợp tác xã, B công nợ giao cho bên nhận chuyển nhượng chịu trách nhiệm chi trả, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Sau khi giao đủ số tiền chuyển nhượng cho các cổ đông, Hợp tác xã 27/7 đã thanh toán hết tất cả các khoản công nợ phải trả của Hợp tác xã đã bàn giao gồm: Nợ thuế Nhà nước, nợ Ngân hàng, nợ lương công nhân viên, nợ đối tác khác. Đối với các thành viên cổ đông cũ đã chuyển nhượng cổ phần cho các thành viên mới, Hợp tác xã T3 đã trả xong các khoản tiền chuyển nhượng cổ phần, nợ lương, nợ tiền vay và không còn trách nhiệm gì với các cổ đông cũ, trong đó có ông Nguyễn Ngọc A. Sau khi ông Nguyễn Sư T1 được Đại hội cổ đông bầu làm Chủ tịch hội đồng quản trị, ông T1 đã cử ông Phan Xuân L làm Giám đốc Hợp tác xã thay mặt ông T1 điều hành công việc và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Do đó, Hợp tác xã T3 xác định, đối với số tiền mượn và vay của ông Nguyễn Ngọc A thì Hợp tác xã T3 đã trả đủ gốc và lãi theo bản kê khai công nợ và các khoản phải trả đã cung cấp tài liệu cho Tòa án. Hơn nữa, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hợp tác xã T3 chỉ chịu trách nhiệm trả các khoản công nợ phát sinh sau khi nhận chuyển nhượng cổ phần ngày 31/7/2016. Vì vậy, Hợp tác xã 27/7 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Xuân L trình bày:*

Ông L làm Giám đốc Hợp tác xã T3 từ năm 2016 đến nay, còn ông Nguyễn Ngọc A làm Giám đốc Hợp tác xã T3 từ năm 2014 đến 2015. Vào năm 2012, ông Nguyễn Ngọc A có cho Hợp tác xã T3 mượn số tiền 50.000.000 đồng, thực chất đây là tiền của ông Nguyễn Hào H1, khoảng 10 ngày sau thì ông A yêu cầu Hợp tác xã T3 trả nợ. Tại thời điểm đó Hợp tác xã T3 có đòi được tiền nợ của các đối tác khác để trả lương cho cán bộ, nhưng đành phải trả cho ông A. Khi trả nợ có giấy đề nghị thanh toán do ông A tự viết 02 lần, một lần 20.000.000 đồng và một lần 30.000.000 đồng, có chứng từ đầy đủ. Ngoài ra Hợp tác xã T3 còn vay của ông Nguyễn Ngọc A 80.000.000 đồng. Đến tháng 5/2016, tổng số tiền vốn và lãi phải trả cho ông A là 80.200.000 đồng. Tháng 7/2016, ông Nguyễn Sư T1 ứng tiền chuyển nhượng cổ phần Hợp tác xã là 300.000.000 đồng, thì ông Nguyễn Ngọc A đã nhận 70.000.000 đồng. Đến ngày 31/7/2016, Hợp tác xã còn nợ ông Nguyễn Ngọc A số tiền là 10.200.000 đồng, số tiền này sau đó cũng đã được trả cho ông A (trong Bảng tổng hợp chi tiết các khoản phải trả đến ngày 31/7/2016), nên Hợp tác xã T3 không còn nợ ông Nguyễn Ngọc A khoản nào nữa.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các điều 147, 203, 266, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hợp tác xã năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; **Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc A buộc Hợp tác xã T3 phải trả cho ông Nguyễn Ngọc A số tiền vay mượn và tiền lãi là 181.840.000 đồng. Trong đó tiền gốc 130.000.000 đồng và tiền lãi 51.840.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/02/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Ngọc A, sửa một phần Bản án sơ thẩm. Buộc Hợp tác xã T3 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc A số tiền vay còn nợ là 70.600.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2016 đến thời điểm ông A khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc A:

[2.1]. Về thủ tục tố tụng

Về thời hạn kháng cáo: ông Nguyễn Ngọc A kháng cáo trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý phúc thẩm vụ án theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về nội dung vụ án

[2.2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A về việc buộc bị đơn Hợp tác xã T3 trả số tiền mượn còn nợ 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét:

Tại phiếu thu số 432 ngày 10/12/2012 thể hiện ông Nguyễn Ngọc A, có cho Hợp tác xã T3 mượn số tiền 50.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Hợp tác xã T3 cũng đã thừa nhận: có mượn ông Nguyễn Ngọc A số tiền 50.000.000 đồng, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trên cơ sở 02 Giấy đề nghị thanh toán số tiền mượn ngày 21/12/2012 và 30/01/2013 của ông Nguyễn Ngọc A, Hợp tác xã T3 đã tiến hành trả số tiền đã mượn cho ông Nguyễn Ngọc A thông qua:

Phiếu chi số 749 ngày 21/12/2012, thể hiện ông Nguyễn Ngọc A có nhận lại số tiền đã cho Hợp tác xã T3 mượn là 20.000.000 đồng.

Phiếu chi số 34 ngày 30/01/2013, thể hiện ông Nguyễn Ngọc A có nhận lại số tiền đã cho Hợp tác xã T3 mượn là 30.000.000 đồng.

Cả 02 phiếu chi thể hiện ông Nguyễn Ngọc A là người ký và nhận tiền. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Ngọc A cho rằng các chứng từ là giả, không phải chữ viết, chữ ký của ông A, nhưng ông A không yêu cầu giám định chữ viết chữ ký, nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A về việc buộc bị đơn Hợp tác xã T3 trả số tiền mượn còn nợ 50.000.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A về việc buộc bị đơn Hợp tác xã T3 trả số tiền vay còn nợ 80.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét:

Mặc dù nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ trực tiếp cho Hợp tác xã T3 vay số tiền 80.000.000 đồng, nhưng với các chứng cứ mà bị đơn Hợp tác xã T3 cung cấp như:

+ Phiếu chi ngày 22/5/2015 thể hiện người nhận tiền là Phạm Thị T2, lý do chi là trả lãi vay Ngọc A (gốc 80.000.000 đồng x 1% x 4 tháng từ 3/2 - 3/6/2015) số tiền 3.200.000 đồng, có chữ ký của đại diện Hợp tác xã T3.

+ Phiếu chi ngày 31/8/2015 thể hiện người nhận tiền là Phạm Thị T2 (hết T8/15), lý do chi là trả lãi vay chú Ngọc A từ T6 - T8/2015 (gốc 80.000.000 đồng x 1% x 3 tháng) số tiền 2.400.000 đồng, có chữ ký của đại diện Hợp tác xã T3.

+ Phiếu chi ngày 28/11/2015 thể hiện người nhận tiền là Trần Thị S, lý do chi là trả lãi vay chú Ngọc A từ T9 - T12/2015 (gốc 80.000.000 đồng) (thanh toán dứt điểm lãi năm 2015), có chữ ký của đại diện Hợp tác xã T3.

Bảng chi tiết công nợ phải trả ngày 31/5/2016 của Hợp tác xã T3 (BL 06) có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hợp tác xã và chữ ký của ông Phan Xuân L là giám đốc Hợp tác xã T3 có nội dung:

Tại dòng thứ 25 trong phần "Cộng phải trả mới" ghi "Vay ông N. Anh + lãi đến 31/5/2016, 80.000.000 đồng, phải trả 4.000.000 đồng, đã trả 3.200.000 đồng, nợ đến 31/5/2016: 80.800.000 đồng.

Có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm kết luận: Hợp tác xã 27/7 có vay của ông Nguyễn Ngọc A số tiền 80.000.000 đồng và đến ngày 31/5/2016 Hợp tác xã T3 còn nợ ông Nguyễn Ngọc A số tiền 80.800.000 đồng.

Bản án sơ thẩm nhận định: do Bảng chi tiết công nợ phải trả đến ngày 31/7/2016 của Hợp tác xã T3 thể hiện: Hợp tác xã T3 vay của ông Nguyễn Ngọc A, nợ đến ngày 01/01/2016 là 80.000.000 đồng, số tiền phát sinh trong kỳ là 200.000 đồng, số tiền đã trả 70.000.000 đồng, nợ tiền ông A đến 22/7/2016 là 10.200.000 đồng. Nguyên đơn cũng cung cấp Bảng tổng hợp chi tiết các khoản phải trả của Hợp tác xã 27/7 đến 31/7/2016 (bảng 11) thể hiện: tiền lương 36.015.000 đồng, tiền cổ phần 178.811,4 đồng, tiền sáng lập viên 60.000.000 đồng vay+lãi là 10.200.000 đồng, tổng cộng 285.026.427 đồng, thực nhận 285.026.427 đồng, có chữ ký nhận của ông Nguyễn Ngọc A và việc ông A thừa nhận tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên toà là chữ ký của ông và ông đã nhận đủ số tiền này, để không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A về việc buộc bị đơn Hợp tác xã 27/7 trả số tiền vay còn nợ 80.000.000 đồng là chưa phù hợp quy định của pháp luật. Vì:

Với nội dung như trên chỉ chứng minh được: Hợp tác xã T3 đã trả cho ông Nguyễn Ngọc A số tiền 10.200.000 đồng của khoản Hợp tác xã 27/7 nợ 80.800.000 đồng. Số tiền còn lại (80.800.000 đồng - 10.200.000 đồng) là 70.600.000 đồng Hợp tác xã 27/7 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh là đã trả cho ông Nguyễn Ngọc A, nên ông Nguyễn Ngọc A yêu cầu Hợp tác xã 27/7 trả số tiền vay còn nợ 70.600.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/8/2016 đến khi xét xử sơ thẩm là có cơ sở và đúng pháp luật.

Số tiền lãi được tính như sau:

Thời gian tính lãi: tại phiên toà phúc thẩm ông Nguyễn Ngọc A chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày khởi kiện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận: từ ngày 01/8/2016 đến ngày 02/7/2022 là 71 tháng;

Số tiền lãi phải trả: $(70.600.000 \text{ đồng} \times 0,9\%) \times 71 \text{ tháng} = 45.113.400 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc A, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Ngọc A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp. Cụ thể:

Ông Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần không được chấp nhận, nhưng ông Nguyễn Ngọc A là người cao tuổi và là thương binh loại 1 nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hợp tác xã T3 phải chịu 5.785.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1,2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Ngọc A, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ các điều 147, 203, 266, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hợp tác xã năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn Hợp tác xã T3.

1. Buộc Hợp tác xã T3 phải trả cho ông Nguyễn Ngọc A số tiền vay còn nợ và tiền lãi là 115.713.400 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, bảy trăm mười ba ngàn, bốn trăm đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A về việc buộc Hợp tác xã T3 phải trả cho ông Nguyễn Ngọc A số tiền mượn còn nợ 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc A được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hợp tác xã T3 phải chịu 5.785.600 đồng (*Năm triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, sáu trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Ngọc A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (*ngày 09/5/2024*).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Đại Lộc;
- CCTHADS huyện Đại Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

"Đã ký"

Nguyễn Hữu Thịnh

